UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**

**--------------------**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Thông tin tổng quát**

|  |
| --- |
| - Tên học phần: **LỊCH SỬ QUAN HỆ ĐỐI VIỆT NAM (1945 - NAY)** |
| - Tên tiếng Anh: |
| - Mã học phần: |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Cơ bản ❑ Cơ sở ngành   Chuyên ngành ❑ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ❑ |
| - Số tín chỉ: 02 |
| + Số tiết lý thuyết: 30 (6 buổi) |
| + Số tiết thực hành: 0 |
| - Tự học: 120 tiết  + Đọc tài liệu: 60 tiết  + Làm bài tập: 60 tiết  + Thực hiện project: 0 tiết  + Hoạt động khác (nếu có): 0 tiết |
| - Học phần tiên quyết: |
| - Học phần học trước: |

**2. Mục tiêu học phần**

*2.1. Mô tả học phần*

Môn học sẽ giới thiệu đến học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tiến trình lịch sử quan hệ đối ngoại của Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Nội dung học phần gồm 5 chương: Chương 1: Quan hệ đối ngoại trong năm đầu của nền cộng hòa dân chủ (tháng 9-1945 – 12-1946), Chương 2: Quan hệ đối ngoại trong thời kỳ toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954); Chương 3: Quan hệ đối ngoại trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975); Chương 4: Quan hệ đối ngoại trong chiến tranh bảo vệ biên giới và giải tỏa tình trạng bị bao vây, cấm vận (1975-1995) và Chương 5: Quan hệ đối ngoại trong giai đoạn hòa bình, xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế (1995-Nay).

*2.2. Mục tiêu tổng quát:*

Học phần cung cấp cho học viên những nội dung chính và những đặc điểm cơ bản trong lịch sử đối ngoại của Việt Nam (1945 – Nay). Đồng thời tổng kết những thành tựu, tồn tại, thời cơ, thách thức và triển vọng của ngoại giao Việt Nam hiện nay.

*2.3. Mục tiêu cụ thể:*

- Trình bày và phân tích tiến trình lịch sử quan hệ đối ngoại của Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.

- Phân tích những nội dung chính và những đặc điểm cơ bản trong lịch sử đối ngoại của Việt Nam (1945 – Nay).

- Giúp học viên hiểu được vị trí, vai trò của quan hệ quốc tế trong xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc;

- Cung cấp cho học viên những sự kiện và nhân vật nổi bật trong lịch sử ngoại giao Việt Nam.

- Có khả năng tổng kết những thành tựu, tồn tại, thời cơ, thách thức và triển vọng của ngoại giao Việt Nam hiện nay.

**4. Nguồn học liệu**

***Tài liệu bắt buộc:***

[1] Vũ Dương Ninh (2014), Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2] Nguyễn Duy Niên (2003), Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Bộ ngoại giao (2002), Ngoại giao Việt Nam (1945 – 2000), Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

***Tài liệu không bắt buộc:***

[4] Viện Quan hệ quốc tế – HV CTQG TP. HCM, *Giáo trình Quan hệ quốc tế*, NXB Lý luận chính trị – 2005.

[5] Nguyễn Vũ Tùng –Hoàng Anh Tuấn, *Quan hệ đối tác chiến lược trong Quan hệ quốc tế từ lý thuyết đến thực tiễn*, HV QHQT, Hà Nội – 2006.

[6] Nguyễn Đức Bình, Lê Hữu Nghĩa, Trần Hữu Tiến, *Góp phần nhận thức Thế giới đương đại*, NXB CTQG, HN – 2003

[7]. Lưu Văn Lợi (1995), *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam, (1945 – 1995)* (hai tập)*,* Nxb CAND, HN.

[8]. Lưu Văn Lợi (2000), *Ngoại giao Đại Việt,* Nxb CTQG, HN.

[9]. Paul Kenedy (1995), *Hưng thịnh và suy vong của các cường quốc,* Nxb CTQG, H.

[10]. Đặng Nghiêm Vạn (1993), *Quan hệ giữa các tộc người trong quốc gia đa dân tộc,* Nxb CTQG, HN.

[11]. Bộ Ngoại giao (1995), *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc,* Nxb CTQG, HN

[12]. Học viện Quan hệ quốc tế (2004), *Ngoại giao Việt Nam 1954 – 2000,* Nxb CTQG HN.

**5. Chuẩn đầu ra học học phần**

**Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra** **của CTĐT theo mức độ sau**:

**N** : Không đóng góp/không liên quan

**S** : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

**H** : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp** | | | | | | | | | | | |
|  |  | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 | ELO11 | ELO12 |
| **H** | **H** | **S** | **S** | **S** | **H** | **S** | **S** | **S** | **S** | **H** | **S** |

**Chi tiết Chuẩn đầu ra được mô tả trong bảng sau**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | | **CĐR của CTĐT**  **(ELOx)** |
| Kiến thức | CELO1 | Phân tích những nội dung chính và những đặc điểm cơ bản trong lịch sử đối ngoại của Việt Nam (1945 – Nay). | ELO1, ELO2, ELO3, ELO4 |
| CELO2 | Vận dụng được những kiến thức về lịch sử đối ngoại của Việt Nam (1945 – Nay) vào học tập và nghiên cứu những vấn đề về lịch sử và quan hệ quốc tế đương đại, tổng kết những thành tựu, tồn tại, thời cơ, thách thức và triển vọng của ngoại giao Việt Nam hiện nay | ELO1, ELO2, ELO5, ELO6 |
| Kỹ năng | CELO3 | Phát triển kỹ năng sắp xếp và tổng hợp các tư liệu nghiên cứu, rèn luyện phong cách gắn tư duy lý luận với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. | ELO7, ELO8 |
| CELO4 | Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, sáng tạo, nghiên cứu khoa học cũng như kỹ năng biện luận. | ELO8, ELO9, ELO10 |
| CELO5 | Vận dụng những tri thức lý luận và thực tiễn vào công tác nhằm thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới và hội nhập của đất nước. | ELO9, ELO10 |
| Thái độ | CELO6 | Thể hiện thái độ ham học hỏi, khát vọng, chủ động sáng tạo, có ý thức, tác phong chuyên nghiệp; ý thức tìm hiểu nghiên cứu lịch sử đối ngoại của một quốc gia nói chung và của Việt Nam nói riêng trong quá trình hội nhập quốc tế. | ELO11, ELO12 |
| CELO7 | Giúp học viên có cách tiếp cận khoa học, khách quan đối với những vấn đề lịch sử đối ngoại của Việt Nam, qua đó nhận thức được đúng đắn vị trí của Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thế giới, vận dụng những kinh nghiệm quốc tế để phát triển đất nước. | ELO11, ELO12 |

**6. Chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra**

| **Chuẩn đầu ra**  **CELOx** | **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Mô tả chỉ báo thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| **CELO1** | CELO1.1 | Phân tích những giai đoạn chính trong tiến trình lịch sử quan hệ đối ngoại của Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. |
| CELO1.2 | Phân tích những nội dung chính và những đặc điểm cơ bản trong lịch sử đối ngoại của Việt Nam (1945 – Nay). |
| **CELO2** | CELO2.1 | Vận dụng được những kiến thức cơ bản của phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học và tư duy biện luận – sáng tạo để nghiên cứu các vấn đề lịch sử đối ngoại của Việt Nam (1945 – Nay). |
| CELO2.2 | Vận dụng kiến thức về những vấn đề nghiên cứu để tổng kết những thành tựu, tồn tại, thời cơ, thách thức và triển vọng của ngoại giao Việt Nam hiện nay |
| **CELO3** | CELO3.1 | Phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề. |
| CELO3.2 | Nâng cao khả năng chọn lựa, xử lý tư liệu nghiên cứu. Rèn luyện phong cách gắn tư duy lý luận với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. |
| **CELO4** | CELO4.1 | Tăng cường khả năng lập kế hoạch làm việc nhóm, khả năng phản biện và lập luận vấn đề. |
| CELO4.2 | Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, sáng tạo, nghiên cứu khoa học cũng như kỹ năng biện luận. |
| **CELO5** | CELO5.1 | Vận dụng kiến thức của học phần vào việc phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn về lịch sử và quan hệ quốc tế |
| CELO5.2 | Vận dụng những tri thức lý luận và thực tiễn vào công tác nhằm thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới và hội nhập của đất nước. |
| **CELO6** | CELO6.1 | Thể hiện thái độ ham học hỏi, khát vọng, chủ động sáng tạo, có ý thức, tác phong chuyên nghiệp trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, quan hệ đối ngoại Việt Nam. |
| CELO6.2 | Hình thành ý thức tìm hiểu nghiên cứu các vấn đề lịch sử đối ngoại của một quốc gia nói chung và của Việt Nam nói riêng trong quá trình hội nhập quốc tế. |
| **CELO7** | CELO7.1 | Giúp cho học viên có cách tiếp cận khoa học, khách quan đối với các vấn đề lịch sử đối ngoại của một quốc gia nói chung và của Việt Nam nói riêng trong quá trình hội nhập quốc tế. |
| CELO7.2 | Thể hiện được thái độ khách quan khi đánh giá các vấn đề, nâng cao tinh thần, trách nhiệm của người học đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. |

**7. Đánh giá học phần**

| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Chỉ báo thực hiện**  **(CELOx.y)** | **Tỉ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Đánh giá quá trình** | | | | **30** |
| **A.1 Đánh giá thái độ học tập** | | | | **20** |
| Tham dự lớp | Học viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp | Các buổi học |  | 10 |
| Làm bài tập đầy đủ | Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân; tham gia giải quyết các câu hỏi và bài tập trên lớp; chuẩn bị bài tập ở nhà theo yêu cầu… | Các buổi học | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 | 10 |
| ... |  |  |  |  |
| **A.2 Kiểm tra giữa kỳ** | | | | **10** |
| Tự luận/trắc nghiệm/bài tập lớn/ ... | Thi Tự luận | Buổi thứ 4 | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 | 10 |
| 1. **Đánh giá kết thúc học phần** | | | | **70** |
| Tự luận/trắc nghiệm/bài tập lớn/ ... | Bài Tiểu luận | Theo lịch thi của trường | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 |  |
| ... |  |  |  |  |

**8. Nội dung chi tiết học phần**

**Lý thuyết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy, học và đánh giá** | **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tài liệu tham khảo** |
| 1 | **Chương 1: Quan hệ đối ngoại trong năm đầu của nền cộng hòa dân chủ (tháng 9-1945 – 12-1946)**  1.1. Khái quát quan hệ đối ngoại của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn chuẩn bị tổng khởi nghĩa (1940 - 1945)  1.2. Bối cảnh quốc tế quốc tế trong năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1946)  1.3. Cách mạng tháng tám và chính sách ngoại giao của nước VNDCCH  1.4. Quân Pháp và các phái bộ đồng minh vào Việt Nam  1.5. Quan hệ Việt - Pháp từ hòa hoãn đến chiến tranh | Hoạt động dạy: Thuyết giảng, động não, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập nhóm tại lớp.  Hoạt động tự học: Đọc lại tài liệu để củng cố; Làm bài tập; Đọc tài liệu.  Hoạt động đánh giá: cho /nhận phản hồi các vấn đề thảo luận, bài thuyết trình; chấm bài tập. | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 | Đọc tài liệu trước ở nhà: [1, tr3-41] |
| 2 | **Chương 2: Quan hệ đối ngoại trong thời kỳ toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp**  **(1946-1954)**  2.1. Bối cảnh quốc tế trong khúc dạo đầu của Chiến tranh Lạnh  2.2. Chiến tranh bùng nổ trên toàn quốc và những cố gắng vãn hồi hòa bình  2.3. Quan hệ đối ngoại trong những năm 1947 - 1949  2.4. Quan hệ đối ngoại trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1950 - 1954) | Hoạt động dạy: Thuyết giảng, động não, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập nhóm tại lớp.  Hoạt động tự học: Đọc lại tài liệu để củng cố; Làm bài tập; Đọc tài liệu.  Hoạt động đánh giá: cho /nhận phản hồi các vấn đề thảo luận, bài thuyết trình; chấm bài tập. | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 | Đọc tài liệu trước ở nhà: [1, tr42-83] |
| 3 | **Chương 3: Quan hệ đối ngoại trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975)**  3.1. Quan hệ đối ngoại trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ giai đoạn (1954-1968)  3.1.1. Bối cảnh quốc tế từ giữa thập niên 1950 đến giữa thập niên 1960  3.1.2. Hoạt động đối ngoại trong giai đoạn 1954 - 1964  3.1.3. Hoạt động đối ngoại trong giai đoạn 1964 - 1968  3.2. Quan hệ đối ngoại trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ giai đoạn (1968-1975)  3.2.1. Bối cảnh quốc tế trong khoảng thời gian 1965 - 1975  3.2.2. Quan hệ đối ngoại trong giai đoạn 1968 - 1973  3.2.3. Hiệp định Paris về Việt Nam (1/1973) và ý nghĩa lịch sử  3.2.4. Quan hệ đối ngoại trong giai đoạn 1973 - 1975  Nam | Hoạt động dạy: Thuyết giảng, động não, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập nhóm tại lớp.  Hoạt động tự học: Đọc lại tài liệu để củng cố; Làm bài tập; Đọc tài liệu.  Hoạt động đánh giá: cho /nhận phản hồi các vấn đề thảo luận, bài thuyết trình; chấm bài tập. | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 | Đọc tài liệu trước ở nhà: [1, tr83-135] |
| 4 | **Chương 4: Quan hệ đối ngoại trong chiến tranh bảo vệ biên giới và giải tỏa tình trạng bị bao vây, cấm vận (1975-1995)**  4.1. Bối cảnh quốc tế trong những năm cuối của chiến tranh Lạnh (1975 - 1991)  4.2. Quan hệ đối ngoại trong giai đoạn 1975 - 1986  4.3. Quan hệ đối ngoại trong giai đoạn 1986 - 1995 | Hoạt động dạy: Thuyết giảng, động não, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập nhóm tại lớp.  Hoạt động tự học: Đọc lại tài liệu để củng cố; Làm bài tập; Đọc tài liệu.  Hoạt động đánh giá: cho /nhận phản hồi các vấn đề thảo luận, bài thuyết trình; chấm bài tập. | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 | Đọc tài liệu trước ở nhà: [1, tr136-167] |
| 5 | **Chương 5: Quan hệ đối ngoại trong giai đoạn hòa bình, xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế (1995-2015)**  5.1. Bối cảnh quốc tế trong những năm sau chiến tranh Lạnh (1991 - Nay)  5.2. Đường lối đối ngoại trong giai đoạn mới  5.3. Quan hệ đối ngoại trong giai đoạn 1995 - 2015 | Hoạt động dạy: Thuyết giảng, động não, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập nhóm tại lớp.  Hoạt động tự học: Đọc lại tài liệu để củng cố; Làm bài tập; Đọc tài liệu.  Hoạt động đánh giá: cho /nhận phản hồi các vấn đề thảo luận, bài thuyết trình; chấm bài tập. | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 | Đọc tài liệu trước ở nhà: [1, tr170-240] |
| 6 | **Bài tổng kết**  1. Cách mạng Việt Nam với tiến trình hội nhập quốc tế  2. Hoạt động đối ngoại phục vụ mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội  3. Hoạt động đối ngoại mở rộng và tăng cường đoàn kết quốc tế  4. Sự kết hợp giữa các lĩnh vực và các lực lượng trong hoạt động đối ngoại  5. Sự kết hợp giữa giữ vững mục tiêu chiến lược với sự mềm dẻo, linh hoạt về sách lược; giữa cuộc đấu tranh bằng lý trí với sự thuyết phục bằng tình cảm |  | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 | Đọc tài liệu trước ở nhà: [1] |

**9. Quy định của học phần**

- Giờ tự học: Ngoài giờ lên lớp theo thời khóa biểu, sinh viên sẽ phải đầu tư … giờ tự học/ tín chỉ lý thuyết như:

- Sinh viên dự lớp đầy đủ, nếu vắng quá 20% số tiết (> ... tiết) sẽ không được dự thi.

- Làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.

- Sinh viên vắng vào buổi kiểm tra giữa kỳ/ thực hành không có lý do sẽ nhận 0 điểm.

**10. Phiên bản chỉnh sửa**

Lần 2, ngày 27 tháng 03 năm 2020

**12. Phụ trách học phần**

- Bộ môn: Quốc tế học Khoa: Khoa học xã hội và nhân văn

- Địa chỉ và email liên hệ:

- Điện thoại:

**8. Quy định của học phần**

***8.1. Đối với giảng viên***

- Chuẩn bị đầy đủ các kế hoạch lên lớp***,*** đề cương, các vấn đề thực hành cung cấp cho người học trong buổi lên lớp đầu tiên.

- Duy trì đúng thiến độ học phần theo thời khóa biểu. Công khai các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá đối với người học.

- Tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ các hoạt động của học phần như đã công bố với người học.

***8.2. Đối với người học***

***-*** Có đủ giáo trình, tài liệu cơ bản của học phần. Thực hiện nghiêm túc giờ tự nghiên cứu như: đọc tài liệu tham khảo, làm bài theo yêu cầu.

- Vắng quá 20% số tiết không đủ điều kiện dự thi kiểm tra KTHP.

- Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học

- Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm …

**9 . Phiên bản chỉnh sửa**

Lần 1, ngày 20/04/2020

**10. Phụ trách học phần**

- Khoa/ngành: Khoa KHXH&NV

- Địa chỉ và email liên hệ: Khoa KHXH&NV, tầng 3 – I2, Số 06, Trần Văn Ơn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương; email: khoakhxhnv@tdmu.edu.vn

- Điện thoại: (0274) 382 2518

*Bình Dương, ngày … tháng … năm 20...*

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG KHOA | GIÁM ĐỐC  CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO |
| **TRƯỞNG PHÒNG**  **ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC** | **HIỆU TRƯỞNG** |
|  |  |

**PHỤ LỤC   
RUBRIC CÁC BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (Thang điểm 10)**

**ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH**

1. **Rubric tham dự lớp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT (10 điểm)** | **ĐẠT (8 điểm)** | **CHƯA ĐẠT (0 điểm)** |
| **Thời gian tham dự** | 80 - 100% ( 6đ) | 60 - 80% (5đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| **Thái độ tham dự** | Chú ý, tích cực đóng góp (4đ) | Có chú ý và đóng góp (3đ) | Không chú ý/không đóng góp |

1. **Rubrichoàn thành bài tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT (… điểm)** | **ĐẠT (… điểm)** | **CHƯA ĐẠT (0 …điểm)** |
| CELO1.1; CELO1.2 | 80 - 100% (…đ) | 60 - 79% (…đ) | Ít hơn 60% (… đ) |
| CELO2.1;CELO3.1 | 80 - 100% (…đ) | 60 - 79% (…đ) | Ít hơn 60% (… đ) |
| CELO3.2; CELO7.1 | 80 - 100% (…đ) | 60 - 79% (…đ) | Ít hơn 60% (… đ) |

1. **Rubric tự học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT (… điểm)** | **ĐẠT (… điểm)** | **CHƯA ĐẠT (0 …điểm)** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT** | **CHẤP NHẬN ĐƯỢC** | **KÉM** |
| Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và  củng cố bài học sau giờ học: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Hoàn tất nhật ký việc tự học: 20% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |

1. **Rubric bài kiểm tra giữa kỳ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tiêu chí đánh giá** | **Thang điểm** |
| KTGK | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO7.1 | - Cho bài tập, sinh viên sử dụng kiến thức và những thao tác kĩ thuật đã học để làm bài. | 10 |

**ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN**

1. **Rubric kiểm tra kết thúc học phần - thang điểm 10**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ báo thực hiện** | **Câu hỏi tự luận** | **Tiêu chí đánh giá** | **Thang điểm** |
| 1 | Trình bày và phân tích một nội dung | Chọn một trong những nội dung cơ bản của học phần, yêu cầu học viên trình bày và phân tích | * Học viên hiểu và phân tích được vấn đề. * Học viên trình bày và phân tích đúng. | 4,0 đ |
| 2 | Vận dụng kiến thức đã học để lý giải vấn đề | Vận dụng kiến thức đã học để lý giải vấn đề đã chọn | * - Học viên biết áp dụng vận dụng những kiến thức đã học để lý giải vấn đề. * Học viên lập luận chặt chẽ, trình bày nội dung rõ ràng, thuyết phục. | 4,0 đ |
| 3 | Trình bày theo đúng yêu cầu bài tiểu luận | Yêu cầu học viên trình bày bài tiểu luận theo yêu cầu của phòng ĐTSĐH | * Học viên trình bày theo đúng yêu cầu bài tiểu luận | 2,0 đ |

**\* Ghi chú:**

- Điểm tổng kết học phần sẽ được tính dựa vào tỷ lệ mô tả ở mục 7, tính thành 2 cột điểm:

1. Điểm quá trình

2. Điểm kết thúc học phần

- GV có thể linh hoạt quyết định số lượng bài kiểm tra đánh giá cho phù hợp, đảm bảo đáp ứng kết quả học tập mong đợi của môn học

- GV lưu lại các bảng điểm chi tiết trong hồ sơ GV để đối chiếu khi cần